

UNIT 11. FAMILY TIME

A. VOCABULARY

buy souvenirs /baɪ ˌsuːvə ˈniːrɪz/ mua quà lưu niệm	collect seashells /ˈkɔːlekt siːʃels/ thu thập vỏ sò	eat seafood /iːt siːˌfuːd/ ăn hải sản	see some interesting places /siː sʌm ˈɪntəristɪŋ ˈpleɪsɪz/ thăm một số địa điểm thú vị
take a boat trip around the bay /teɪk ə bɔʊt trɪp ə ˈraʊnd ðə beɪ/ đi thuyền quanh vịnh	walk on the beach /wɔːk ɑːn ðə biːtʃ/ đi dạo trên bãi biển	family /ˈfæməli/ gia đình	beach /biːtʃ/ bãi biển
swim /swɪm/ bơi	take photos /teɪk ˈfəʊtəʊz/ chụp ảnh	mother /ˈmʌðər/ mẹ	father /ˈfɑːðər/ bố
brother /ˈbrʌðər/ anh/ em trai	sister /ˈsɪstər/ chị/ em gái	last weekend /læst wiːk ˌend/ cuối tuần trước	Pagoda /pəˈgəʊdə/ chùa
postcard /ˈpəʊstkɑːrd/ bưu thiếp	bay /beɪ/ vịnh	seafood /ˈsiːfuːd/ hải sản	interesting place /ˈɪntəristɪŋ ˈpleɪsɪz/ địa điểm thú vị
friend /frend/ bạn bè	in the sea /ɪn ðə siː/ dưới biển	sunbathe /ˈsʌnbetð/ tắm nắng	boat trip /bɔʊt trɪp/ chuyến du lịch bằng thuyền
explore /ɪkˈsplɔːr/ khám phá	cave /keɪv/ hang động	eat /iːt/ ăn	journey /ˈdʒɜːrni/ hành trình
	journal /ˈdʒɜːrnl/ nhật kí	take a long time /teɪk ə lɔːŋ taɪm/ mất nhiều thời gian	

B. PRONUNCIATION

Trong một từ có nhiều âm tiết sẽ có âm tiết được phát âm mạnh, dài hơn thì trong một câu cũng sẽ có những từ trong câu được phát âm mạnh hơn, dài hơn, có những từ được phát âm nhẹ hơn, ngắn hơn. Đó chính là trọng âm câu, hay còn hiểu là nhịp điệu.

Từ thuộc về mặt nội dung được nhấn trọng âm

Parts of speech	Examples
Động từ chính	sell, give, employ, talking, listening

Danh từ	car, music, desk
Tính từ	big, good, interesting, clever
Trạng từ	quickly, loudly, never
Trợ động từ (dạng phủ định)	don't, can't, aren't
Đại từ chỉ định	this, that, those, these
Từ để hỏi	Who, Which, Where

Từ thuộc về mặt cấu trúc không được nhấn trọng âm

Parts of speech	Examples
Đại từ	he, we, they
Giới từ	on, at, into
Mạo từ	a, an, the
Từ nối	and, but, because
Trợ động từ	can, should, must
Động từ "to be"	am, is, was

Khi nói tiếng Anh, chúng ta sẽ nhấn mạnh (stress) vào các từ thể hiện nội dung và lướt qua (de-stress) các từ cấu trúc, do những từ thuộc về mặt nội dung là những từ quan trọng và mang nghĩa của câu, còn những từ thuộc về mặt cấu trúc là những từ ít quan trọng hơn.

*E.g. 'When did you 'go to 'London?
'What did they 'do in 'Finland?*

C. GRAMMAR

Hỏi và trả lời về hoạt động ai đó đã làm trong quá khứ

Did you ...? (<i>Hôm qua bạn đã ...?</i>) - Yes, I I ... (<i>Có, ...</i>)	Did you swim yesterday? (<i>Hôm qua bạn đã đi bơi à?</i>) - Yes, I did. I swam with my father. (<i>Đúng vậy. Tôi đã đi bơi cùng bố tôi.</i>)
What did your family do in ...? (<i>Gia đình bạn đã làm gì ở ...?</i>) - We ... (<i>Chúng tôi ...</i>)	What did your family do in Ha Long? (<i>Gia đình bạn đã làm gì ở Hạ Long vậy?</i>) - We took a boat trip around the bay. (<i>Chúng tôi đã đi thuyền quanh vịnh.</i>)

D. PRACTICE

PART 1. PHONETICS

Exercise 1. Count and write the correct syllables. The first one is done for you.

Words	Syllable 1	Syllable 2	Syllable 3	Syllable(s)
0. Letters	Let	ters		2

1. Swim						
2. Sister						
3. Balloon						
4. Beach						
5. Pagoda						
6. Water						
7. Seafood						
8. Souvenir						
9. Family						
10. Paper						

Exercise 2. Identify the stressed word in each sentence.

1. When did you go to Sydney?
2. What did he do in Paris?
3. When did she go to England?
4. What did they do in Thailand?
5. When did you go to London?




Exercise 3. Mark the letter A, B, C or D to indicate the word that differs from the rest in the position of the main stress in each of the following questions.

1. A. excited B. interested C. confident D. memorable
2. A. capital B. opera C. different D. tradition
3. A. beautiful B. effective C. favourite D. popular
4. A. sunbathe B. explore C. journey D. postcard
5. A. family B. father C. pagoda D. sister

PART 2. VOCABULARY AND GRAMMAR

I. VOCABULARY

Exercise 1. Look at these pictures and complete the words with the clues given.

 <p>1. F _ M _ _ _</p>	 <p>2. B _ _ _ _</p>	 <p>3. S _ _ _</p>
---	---	---



Exercise 2. Reorder the letters to make the correct words.

1. A-F-E-H-T-R _____
2. A-T-S-L E-E-W-E-K-D-N _____
3. U-B-A-S-N-H-T-E _____
4. A-C-E-V _____
5. E-T-A _____
6. Y-J-U-R-O-E-N _____
7. E-E-L-P-X-O-R _____
8. T-O-B-A P-R-I-T _____
9. L-J-U-O-N-R-A _____
10. Y-B-A _____

Exercise 3. Odd one out.

1. A. Mother B. Sister C. Bay D. Father
2. A. Swim B. Walk C. Eat D. Journal
3. A. Summer B. Clock C. Winter D. Spring
4. A. Cook B. Play C. Soccer D. Do homework
5. A. Library B. Dancing C. Hiking D. Writing

II. GRAMMAR

Exercise 1. Circle the correct answers.

1. I _____ with my father yesterday. A. swim B. swam
2. She _____ on the beach last Sunday. A. walked B. walk
3. They _____ there last weekend. A. walk B. walked
4. He _____ at the party last Saturday. A. dance B. danced
5. We _____ to Paris last summer. A. traveling B. traveled
6. You _____ a new car last month. A. buying B. bought
7. They _____ shopping at the mall yesterday. A. went B. going
8. The cat _____ on the couch. A. sleeping B. slept
9. I _____ dinner for my family last night. A. cook B. cooked
10. Linh _____ the museum last weekend. A. visited B. visiting

Exercise 2. Circle the correct answers.

1. Tom _____ a movie yesterday.
 A. watched B. watches C. watch D. watching
2. They _____ soccer last weekend.
 A. playing B. play C. plays D. played
3. Linh _____ her grandparents yesterday.
 A. visiting B. visits C. visited D. visit

4. We _____ a picnic in the park last Sunday.
A. had B. having C. have D. has
5. _____ they eat pizza for dinner last night?
A. Did B. Does C. Have D. Do
6. A: _____ did you go to Nha Trang? – B: We went there last weekend.
A. When B. How C. What D. Who
7. He _____ his bike to school yesterday.
A. rode B. riding C. rides D. ride
8. A: Did Mary clean her room yesterday? – B: No, she _____.
A. does B. didn't C. did D. doesn't
9. They _____ to Paris last year.
A. traveling B. travels C. traveled D. travel
10. A: Did we have a picnic in the park last Sunday? – B: Yes, we _____.
A. did B. do C. don't D. didn't

Exercise 4. Correct the mistakes in each sentence.

Sentences	Mistakes
1. We visit the zoo last Sunday.	
2. They watch TV yesterday.	
3. Did we go to the beach last summer? – Yes, we didn't.	
4. When did they studied for the exam?	
5. We plays board games last night.	
6. Did we had a picnic in the park last Sunday? – Yes, we did.	
7. Why did he go shopping? – He went shopping yesterday.	
8. We go to the beach last summer.	
9. When did he bought his new car? – Last month.	
10. She buy a new dress yesterday.	

III. READING

Exercise 1. Put the correct form of the verbs in brackets.

Last month, my family and I (go) _____ to Ha Long Bay. It was too much fun! We (drive) _____ to the bay and got on a big boat called a junk. We sailed around and (see) _____ tall rocks in the water. We even saw monkeys! Then, we went swimming and kayaking. It was awesome! After playing, we (have) _____ yummy food on the boat. We (watch) _____ the sunset and then went home. It was the best day ever with my family!

Exercise 2. Fill in the blanks with the suitable words in the box.

family	swam	volleyball	packed	seashells
--------	------	------------	--------	-----------

My (1) _____ and I went to the beach yesterday. We (2) _____ snacks and toys, then drove to the beach. We played games and sang songs in the car. At the beach, we (3) _____ in the ocean, built a sandcastle, and collected (4) _____. We had lunch and played games like Frisbee and (5) _____. When the sun set, we packed up and went home. It was a great day with my family!

Exercise 3. Read the text and decide if each statement is True (T) or False (F).

Hello, class. I'm Linda. I'm telling you about my trip to Thu Le Zoo. I went there with my grandma yesterday. At first, we saw the birds. I loved the peacocks. They danced when we were there. Then we saw the tigers. They were so lazy. They just lay in the cage and did nothing. Finally, we saw the baby monkeys. They were so noisy. I gave a monkey a banana. It looked so funny when it ate the fruit.

Statements	True (T)	False (F)
1. Thu is talking about her trip to the zoo.		
2. She went to the zoo with her mother.		
3. Linda saw the peacocks first.		
4. The tigers moved and roared when they were there.		
5. She fed a monkey with a banana.		

IV. WRITING

Exercise 1. Writing practice

0. He / visit the museum / last week

He visited the museum last week.

1. You / read a book / yesterday.

2. She / dance at the party / last night.

3. They / eat pizza for dinner / last evening.

4. They / travel to Paris / last year.

5. He / ride his bike to school / yesterday.

6. We / visit the museum / last Sunday.

7. They / play soccer / yesterday afternoon.

8. He / cook dinner for his family / last night.

9. You / clean your room / yesterday morning.

10. She / take a photo of the sunset / last evening.

Exercise 2. Writing practice.

1. you / take photos in Ha Long last week / Yes / with my family

A: Did you take photos in Ha Long last week?

B: Yes, I did. I took photos with my family.

2. she / go to the beach yesterday / Yes / with her sister

3. John / collect seashells on Nha Trang Beach last Sunday / No

4. Mary / walk on the beach at Co To island last summer / Yes / with her brother

5. your family / take a boat trip around the bay / No

6. Hannah / see some interesting places / Yes / with her friends

7. he / buy some souvenirs in Singapore / Yes / with his sister

8. they / eat seafood last week / No

9. she / swim in the sea yesterday / Yes / her family

10. John and Jimmy / go to school last summer / No

Exercise 3. Make questions for the underlined parts.

1.

They went to Sydney last summer.

2.

My family visited some interesting places there.

3.

Yes, he did. He went to Ha Long Bay last weekend.

4.

She took photos there.

5.

I went to Do Son Beach last Sunday.

Exercise 4. Reorder the words/ phrases to complete the sentences.

1. ran / in / park / the / He / morning. / this

2. played / basketball / with / friends / He / yesterday. / his

3. rode / bike / to / her / She / last / school / Monday.

4. went / mountains / hiking / last / I / in / summer. / the

5. you / play / Did / yesterday? / basketball / did / - Yes, / I. / played / I / my / friends. / with

6. did / What / do / you / Phu Quoc / in? / beach. / walked / the / on / - We

7. watched / a movie / at / the cinema / They / yesterday evening.

8. dinner / cook / yesterday? / Did / she / she / did. / - Yes, / She / for / her / family. / cooked

9. met / his old friends / for lunch / They / last Friday.

10. go / did / to / you / Ha Long? / When / - last / We / there / went / summer.

ĐÁP ÁN

UNIT 11. FAMILY TIME

A. VOCABULARY

buy souvenirs /baɪ ˌsuːvə ˈniːrɪz/ mua quà lưu niệm	collect seashells /ˈkɔːlekt siːʃɛls/ thu thập vỏ sò	eat seafood /iːt siː ˌfuːd/ ăn hải sản	see some interesting places /siː sʌm ˈɪntərɪstɪŋ ˈpleɪsɪz/ thăm một số địa điểm thú vị
--	--	---	---

take a boat trip around the bay /teɪk ə bəʊt trɪp ə 'raʊnd ðə beɪ/ đi thuyền quanh vịnh	walk on the beach /wɔ:k ɑ:n ðə bi:tʃ/ đi dạo trên bãi biển	family /'fæməli/ gia đình	beach /bi:tʃ/ bãi biển
swim /swɪm/ bơi	take photos /teɪk 'fəʊtəʊz/ chụp ảnh	mother /'mʌðər/ mẹ	father /'fɑ:ðər/ bố
brother /'brʌðər/ anh/ em trai	sister /'sɪstər/ chị/ em gái	last weekend /læst wi:k, end/ cuối tuần trước	Pagoda /pə'gəʊdə/ chùa
postcard /'pəʊstkɑ:rd/ bưu thiếp	bay /beɪ/ vịnh	seafood /'si:fu:d/ hải sản	interesting place /'ɪntərɪstɪŋ 'pleɪsɪz/ địa điểm thú vị
friend /frend/ bạn bè	in the sea /ɪn ðə si:/ dưới biển	sunbathe /'sʌnbet̪/ tắm nắng	boat trip /bəʊt trɪp/ chuyến du lịch bằng thuyền
explore /ɪk'splɔ:r/ khám phá	cave /keɪv/ hang động	eat /i:t/ ăn	journey /'dʒɜ:ni/ hành trình
	journal /'dʒɜ:nl/ nhật kí	take a long time /teɪk ə lɔ:ŋ taɪm/ mất nhiều thời gian	

B. PRONUNCIATION

Trong một từ có nhiều âm tiết sẽ có âm tiết được phát âm mạnh, dài hơn thì trong một câu cũng sẽ có những từ trong câu được phát âm mạnh hơn, dài hơn, có những từ được phát âm nhẹ hơn, ngắn hơn. Đó chính là trọng âm câu, hay còn hiểu là nhịp điệu.

Từ thuộc về mặt nội dung được nhấn trọng âm

Parts of speech	Examples
Động từ chính	sell, give, employ, talking, listening
Danh từ	car, music, desk
Tính từ	big, good, interesting, clever
Trạng từ	quickly, loudly, never
Trợ động từ (dạng phủ định)	don't, can't, aren't
Đại từ chỉ định	this, that, those, these
Từ để hỏi	Who, Which, Where

Từ thuộc về mặt cấu trúc không được nhấn trọng âm

Parts of speech	Examples
Đại từ	he, we, they
Giới từ	on, at, into
Mạo từ	a, an, the
Từ nối	and, but, because
Trợ động từ	can, should, must
Động từ “to be”	am, is, was

Khi nói tiếng Anh, chúng ta sẽ nhấn mạnh (stress) vào các từ thể hiện nội dung và lướt qua (de-stress) các từ cấu trúc, do những từ thuộc về mặt nội dung là những từ quan trọng và mang nghĩa của câu, còn những từ thuộc về mặt cấu trúc là những từ ít quan trọng hơn.

*E.g. ‘When did you ‘go to ‘London?
 ‘What did they ‘do in ‘Finland?’*

C. GRAMMAR

Hỏi và trả lời về hoạt động ai đó đã làm trong quá khứ

Did you ...? (<i>Hôm qua bạn đã ...?</i>) - Yes, I I ... (<i>Có, ...</i>)	Did you swim yesterday? (<i>Hôm qua bạn đã đi bơi à?</i>) - Yes, I did. I swam with my father. (<i>Đúng vậy. Tôi đã đi bơi cùng bố tôi.</i>)
What did your family do in ...? (<i>Gia đình bạn đã làm gì ở ...?</i>) - We ... (<i>Chúng tôi ...</i>)	What did your family do in Ha Long? (<i>Gia đình bạn đã làm gì ở Hạ Long vậy?</i>) - We took a boat trip around the bay. (<i>Chúng tôi đã đi thuyền quanh vịnh.</i>)

D. PRACTICE

PART 1. PHONETICS

Exercise 1. Count and write the correct syllables. The first one is done for you.

Words	Syllable 1	Syllable 2	Syllable 3	Syllable(s)
0. Letters	Let	ters		2
1. Swim	Swim			1
2. Sister	Sis	ter		2
3. Balloon	Bal	loon		2
4. Beach	Beach			1
5. Pagoda	Pa	go	da	3
6. Water	Wa	ter		2

7. Seafood		Sea	food		2
8. Souvenir		Sou	ve	nir	3
9. Family		Fa	mi	ly	3
10. Paper		Pa	per		2

Exercise 2. Identify the stressed word in each sentence.

1. 'When did you 'go to 'Sydney?
2. 'What did he 'do in 'Paris?
3. 'When did she 'go to 'England?
4. 'What did they 'do in 'Thailand?
5. 'When did you 'go to 'London?

Exercise 3. Mark the letter A, B, C or D to indicate the word that differs from the rest in the position of the main stress in each of the following questions.

1. A. excited B. interested C. confident D. memorable
2. A. capital B. opera C. different D. tradition
3. A. beautiful B. effective C. favourite D. popular
4. A. sunbathe B. explore C. journey D. postcard
5. A. family B. father C. pagoda D. sister

PART 2. VOCABULARY AND GRAMMAR

I. VOCABULARY

Exercise 1. Look at these pictures and complete the words with the clues given.

1. FAMILY	2. BEACH	3. SWIM
4. MOTHER	5. PAGODA	6. POSTCARD

Exercise 2. Reorder the letters to make the correct words.

1. A-F-E-H-T-R FATHER
2. A-T-S-L E-E-W-E-K-D-N LAST WEEKEND
3. U-B-A-S-N-H-T-E SUNBATHE
4. A-C-E-V CAVE

A. did B. do C. don't D. didn't

Exercise 4. Correct the mistakes in each sentence.

Sentences	Mistakes
1. We visit the zoo last Sunday.	visit visited
2. They watch TV yesterday.	watch watched
3. Did we go to the beach last summer? – Yes, we didn't.	didn't did (Yes No)
4. When did they studied for the exam?	studied study
5. We plays board games last night.	plays played
6. Did we had a picnic in the park last Sunday? – Yes, we did.	had have
7. Why did he go shopping? – He went shopping yesterday.	Why When
8. We go to the beach last summer.	go went
9. When did he bought his new car? – Last month.	bought buy
10. She buy a new dress yesterday.	buy bought

III. READING

Exercise 1. Put the correct form of the verbs in brackets.

Last month, my family and I (go) **went** to Ha Long Bay. It was too much fun! We (drive) **drove** to the bay and got on a big boat called a junk. We sailed around and (see) **saw** tall rocks in the water. We even saw monkeys! Then, we went swimming and kayaking. It was awesome! After playing, we (have) **had** yummy food on the boat. We (watch) **watched** the sunset and then went home. It was the best day ever with my family!

Exercise 2. Fill in the blanks with the suitable words in the box.

family	swam	volleyball	packed	seashells
--------	------	------------	--------	-----------

My (1) **family** and I went to the beach yesterday. We (2) **packed** snacks and toys, then drove to the beach. We played games and sang songs in the car. At the beach, we (3) **swam** in the ocean, built a